**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BỐ TRẠCH**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 04/2021/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bố Trạch, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2020/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Nguyệt Á, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: anh Mai Xuân N, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 29 tháng 12 năm 2020, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 29 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Nguyệt Á và anh anh Mai Xuân N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Vợ chồng chị Á, anh N có 02 con chung là Mai Hoàng L, sinh ngày 10/6/2014 và Mai Trọng H, sinh ngày 23/6/2016. Sau ly hôn hai đương sự thống nhất giao hai con cho chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Á không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* *Về tài sản chung:* Hai đương sự thống nhất tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

.

***** *Về án phí*: Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án: chị Nguyễn Nguyệt Á thoả thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000514 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch. Chị Á được nhận lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAQB;
- VKSND huyện Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Hai đương sự (2 bản);
- UBND TT P
(Số 20/2013; Quyển số 01/2013);
- Lưu HSVA;
- Lưu AV.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Phú Quảng**